

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SONG TUỆ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SONG TUỆ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG TUE ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SONGTUE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108482711

**3. Ngày thành lập:** 22/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 1, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0899301983

Fax:

Email: songtue2016@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                         | 0131(Chính) |
| 2.  | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                    | 0321        |
| 3.  | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                                                                         | 0145        |
| 4.  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                                                                               | 0141        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán các loại giống rau và măng tây                                                                                  | 4620        |
| 6.  | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                           | 0146        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 8.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                               | 1071        |
| 9.  | Khai thác khí đốt tự nhiên                                                                                                                                                                                  | 0620        |
| 10. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                         | 0710        |
| 11. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                               | 0164        |
| 12. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                            | 5610        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động dịch vụ chăm sóc, phát triển tiêu thụ măng tây và các hoạt động dịch vụ trồng trọt khác;<br>- Chuyển giao công nghệ trồng và chăm sóc cây măng tây | 0161        |
| 14. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                     | 1020        |
| 15. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Mua bán rau măng tây và các loại rau, củ, quả, cá, thịt                                                                                                                     | 4632        |
| 16. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                             | 0810        |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                           | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                                                                                                                                                                      | 0730 |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                      | 4101 |
| 20. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                | 4102 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                         | 4330 |
| 22. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                    | 7990 |
| 23. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ cầm đồ.                                                                                                                                                                                          | 6492 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá.<br>- Nhận Ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.<br>- Quản lý chợ.        | 8299 |
| 25. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                     | 0132 |
| 26. | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau, củ, quả và các loại nông sản khác                                                                                                                                                  | 1030 |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 28. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                              | 4513 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                        | 0163 |
| 30. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                         | 4520 |
| 31. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                             | 4530 |
| 32. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                         | 7911 |
| 33. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                  | 7912 |
| 34. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                         | 4631 |
| 35. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                  | 0210 |
| 36. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 37. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn sắt, thép<br>- Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.<br>- Mua bán vàng trang sức | 4662 |
| 38. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                           | 4661 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh (Bao gồm: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói lợp mái; Bán lẻ đá, cát, sỏi;)</li> <li>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.</li> </ul> <p>Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Nhóm này gồm: Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...)</p> | 4752 |
| 40. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0322 |
| 41. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1010 |
| 42. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4711 |
| 43. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)</li> </ul> <p>Nhóm này gồm: Bán buôn hoá chất công nghiệp: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh .</li> <li>- Bán buôn cao su</li> <li>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại</li> </ul> <p>Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Nhóm này gồm: Bán buôn bột giấy; Bán buôn đá quý)</p>                                                                                                                                                                  | 4669 |
| 44. | <p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5510 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối ...<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su | 4663 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐINH CẨM ANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/03/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 004183000053

Ngày cấp: 20/07/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1 khu 1B, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 1, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐINH CẨM ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/03/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 004183000053

Ngày cấp: 20/07/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1 khu 1B, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 1, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội